TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh
Ông Võ Văn Liềm
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: không

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 207/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa:

* **Nguyên đơn**: bà Thị Cẩm L, sinh ngày 03/02/1990
Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh An Giang
* **Bị đơn**: ông Danh K, sinh ngày 01/01/1983
Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Thị Cẩm L như sau:**

Bà và ông Danh K tự quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng một thời gian ngắn thì ông bà tự nguyện sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2005, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng đến nay bà và ông K vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà và ông K sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp và vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên bà và ông K đã tự ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà mỗi người sống một nơi, bà xét thấy không thể quay lại sống chung với ông K được nữa vì bà và ông K đã không còn tình cảm với nhau nên bà quyết định ly hôn với ông K. Bà và ông K có một người con tên Danh N, sinh ngày 08/3/2006. Bà và ông K không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh K. Về con chung bà và ông K có một người con chung tên Danh N, sinh ngày 08/3/2006 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và ông K không có tài sản chung và nợ chung nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà L không trình bày và yêu cầu gì thêm.

*** Tại bản tự khai ngày 05/6/2025 cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Danh K trình bày:** ông thống nhất với lời trình bày của bà L về ngày tháng năm sống chung với nhau, ông thừa nhận là ông và bà L có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, ông và bà L tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2005 đến năm 2017 thì ông bà đã ly thân mỗi người sống một nơi vì ông bà không hợp nhau. Ông và bà L có một người con chung tên Danh N, sinh ngày 08/3/2006. Ông và bà L không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, ông K đồng ý ly hôn với bà L. Về con chung ông và bà L có một người con chung tên Danh N, sinh ngày 08/3/2006 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông và bà L không có tài sản chung và nợ chung nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông K không trình bày và yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Thị Cẩm L yêu cầu ly hôn với ông Danh K và bị đơn ông Danh K có địa chỉ tại ấp P, xã G, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật "ly hôn" và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: bà Thị Cẩm L và ông Danh K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, ông bà có tổ chức đám cưới và thời gian chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010. Tại phiên tòa, bà L và ông K đều cho rằng hai người không hợp và thường xuyên cãi nhau nên ông, bà đã tự ly thân từ năm 2017 đến nay. Bà L và ông K đều có nguyện vọng ly hôn với nhau. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của ông bà; mà cần áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa bà Thị Cẩm L và ông Danh K là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: bà L và ông K đều xác nhận có một người con chung tên Danh N, sinh ngày 08/3/2006; con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà L, ông K xác định không có nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân bằng 300.000đồng bà L phải nộp do bà có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa bà Thị Cẩm L và ông Danh K là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Thị Cẩm L phải 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng bà L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09 ngày 02/6/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – An Giang. Như vậy, bà L đã nộp xong án phí HNST.

4. Bà L, ông K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 21/8/2025.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS khu vực 5;
-Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Gò Quao;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh